

Bản án số: 209/2024/DS-PT
Ngày: 06 tháng 05 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đ

Các Thẩm phán:

Ông Phạm V

Ông Nguyễn Mạnh T

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Th, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Ngọc T, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc “Chia thừa kế; chia tài sản chung và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, do có kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2023/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4887/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị L, sinh năm 1991; trú tại: Cụm 3, xã Liên Hà, huyện ĐP, thành phố HN; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH Hoài Linh; do ông Nguyễn Thanh Quý và ông Nguyễn Văn Tú làm đại diện (theo Hợp đồng ủy quyền số 10/2024/HĐUQ-HL và Hợp đồng ủy quyền lại số 11/2024/HĐUQ-LHL ngày 29/3/2024); ông Tú và ông Quý đều có mặt.

Địa chỉ: Số 69/172 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn:** Bà Phí Thị P, sinh năm 1959; trú tại: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH 24H; do ông Nguyễn Văn An và ông Lê Quốc Đôn làm đại diện (theo Hợp đồng ủy quyền số 10/2024/HĐUQ-24H và Hợp đồng ủy quyền lại số 11/2024/HĐUQ-24H ngày 29/3/2024 và ngày 13/4/2024); ông Đôn có mặt, ông An vắng mặt.

Địa chỉ: Số 69/172 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Phạm Thị Dậu, sinh năm 1981; trú tại: Thôn Lưu X, xã Đức G huyện HĐ, thành phố HN; có mặt.

2. Chị Phạm Thị Huyền, sinh năm 1985; trú tại: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; có mặt.

3. Chị Phạm Thị Hoa, sinh năm 1989, trú tại: Thôn Đại Tự, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; có mặt.

4. Anh Phạm Văn Hoàng, sinh năm 1983; chị Cao Thị Thùy Trang, sinh năm 1985; cùng trú tại: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, Hà Nội; đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Công Dũng, sinh năm 1968; trú tại: Số 153 Ngọc Khánh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (theo Giấy ủy quyền ngày 14/5/2022); vắng mặt.

6. Ông Phạm Anh Đức, sinh năm 1950; trú tại: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, Hà Nội; vắng mặt.

7. Bà Phạm Thị Ninh, sinh năm 1957; trú tại: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, Hà Nội; vắng mặt.

8. Ông Phạm Văn Thịnh, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

9. Bà Phạm Thị Liên, sinh năm 1949; trú tại: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

10. Bà Phạm Thị Thành, sinh năm 1965; trú tại: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

11. Bà Phạm Thị Khang, sinh năm 1953; trú tại: Thôn Đại Tự, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, Hà Nội (đã chết ngày 05/6/2021 theo Trích lục khai tử số 54 ngày 23/02/2021 của UBND xã Kim Chung).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Khang:

12. Ông Cấn Văn Thịnh, sinh năm 1948; anh Cấn Văn Tuấn, sinh năm 1984; cùng trú tại: Thôn Đại Tự, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; đều vắng mặt.

13. Chị Cấn Thị Thúy, sinh năm 1986; trú tại: Thôn Cao Trung, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

14. Ủy ban nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; có đơn xin vắng mặt.

14. Chị Cao Thị Nga, sinh năm 1977; anh Đỗ Vĩnh Phồn, sinh năm 1975; Cùng trú tại: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bố mẹ chị Phạm Thị L là ông Phạm Văn Tuấn (sinh năm 1958, chết năm 2007), bà Phí Thị P (sinh năm 1959). Ông Tuấn, bà Phượng có 05 người con, gồm: Chị Phạm Thị Dâu, sinh năm 1981; anh Phạm Văn Hoàng, sinh năm 1983, chị Phạm Thị Huyền, sinh năm 1985; chị Phạm Thị Hoa, sinh năm 1989 và chị Phí Thị Lan, sinh năm 1991.

Năm 2007, ông Tuấn chết không để lại di chúc, khi còn sống ông Tuấn và bà Lan quản lý và sử dụng nhà đất tại thửa đất số 213, tờ bản đồ số 5, có diện tích 187m² tại thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất:

Thửa đất trên là đất nông nghiệp do cha ông để lại; năm 1985 ông Tuấn, bà Phượng xây 1 ngôi nhà cấp 4 lợp ngói 4 gian; năm 1986, ông Tuấn, bà Phượng làm thủ tục chuyển đổi thành đất thổ cư; năm 2001 ông Tuấn, bà Phượng phá ngôi nhà cấp 4, xây nhà 2 tầng, 01 kho bên cạnh nay, đến năm 2006 xây thêm 1 tầng nữa thành 3 tầng, từ đó đến nay không cải tạo sửa chữa gì thêm. Toàn bộ quá trình xây dựng, cải tạo là do ông Tuấn và bà Phượng thực hiện. Năm 2012, bà Phượng kê khai làm thủ tục và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 653442 ngày 14/11/2012 đứng tên hộ bà Phí Thị P. Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ bà Phí Thị P có 02 người gồm bà Phí Thị P và chị Phạm Thị L.

Thửa đất ban đầu có diện tích là 9 thước, tương đương 217m². Năm 2006, Nhà nước thu hồi 30m² để làm đường nên diện tích còn lại là 187m². Nay nguyên đơn xác định quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 213, tờ bản đồ số 5, có diện tích 187m² tại thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là tài sản chung của bà Phượng và ông Tuấn, gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 213, tờ bản đồ số 5, diện tích 187m² tại thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;
- Tài sản trên đất gồm: là 1 ngôi nhà 3 tầng, 1 kho cho thuê và 01 nhà tạm phía sau, đã cũ không còn giá trị sử dụng.

Nguyên đơn đề nghị xác định là tài sản chung của ông Tuấn, bà Phượng và chia đôi cho bà Phượng và ông Tuấn mỗi người một nửa; phần của ông Tuấn đề nghị chia thừa kế theo pháp luật.

Chị Lan đề nghị được nhận thừa kế bằng hiện vật, phần của chị sau khi được chia sẽ giao cho bà Phí Thị P quản lý, sử dụng.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị Ninh và anh Phạm Văn Hoàng về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BL 653442 ngày 14/11/2012 đứng tên hộ bà Phí Thị P và chia thừa

kế theo di chúc của ông, bà nội chị là cụ Phạm Văn Riễn và cụ Nguyễn Thị Vệt đã viết Giấy giao nhà đất ngày 06/5/1989, bởi lẽ: Năm 1986, ông Tuấn, bà Phượng đã làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất và đứng tên trong bản đồ và sổ mục kê; nhưng năm 1989 cụ Riễn và cụ Vệt viết di chúc trên phần đất của ông Tuấn và bà Phượng là không đúng.

Trường hợp văn bản phân chia năm 1989 là hợp pháp thì tại thời điểm phân chia thửa đất là đất nông nghiệp, trong quá trình sử dụng từ năm 1986, ông Tuấn, bà Phượng đã xây nhà và chuyển đổi mục đích sử dụng đất và nộp thuế chuyển đổi thành đất ở, vì vậy nếu trả lại bà Ninh 48m² thì chỉ trả bà Ninh bằng giá trị đất nông nghiệp.

** Bị đơn bà Phí Thị P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn, người đại diện theo ủy quyền trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:*

Bà Phượng và ông Phạm Văn Tuấn (chết năm 2007) có 05 người con như nguyên đơn đã trình bày là đúng.

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất số 213, tờ bản đồ số 5, diện tích 187m² tại thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là đất 5% của bố mẹ chồng bà là cụ Riễn và cụ Vệt cho (cho bằng miệng không có văn bản) vợ chồng bà quản lý, sử dụng từ năm 1985. Sau khi được cho đất, năm 1985 ông Tuấn, bà Phượng xây 1 ngôi nhà cấp 4 lợp ngói 4 gian và các công trình phụ trên đất. Năm 1986, ông bà làm thủ tục và nộp thuế chuyển đổi thành đất thổ cư. Đến năm 2001, ông bà Phượng, Tuấn phá ngôi nhà cấp 4 và xây nhà 2 tầng, 1 kho bên cạnh, đến năm 2006 xây thêm 1 tầng nữa là 3 tầng, từ đó đến nay không cải tạo sửa chữa gì. Năm 2012, bà Phượng kê khai và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 653442 ngày 14/11/2012 đứng tên hộ bà Phí Thị P.

Bà Phượng cho rằng, vợ chồng bà đã được cụ Riễn, cụ Vệt cho đất từ năm 1985. Vì vậy đây là tài sản chung của bà và ông Tuấn. Ông Tuấn chết không để lại di chúc, nay con gái bà là chị Lan khởi kiện đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng bà và chia thừa kế phần di sản của ông Tuấn theo pháp luật thì bà đồng ý, cụ thể:

Diện tích 187m² chia thành 02 phần bằng nhau, bà đề nghị được nhận phần đất có kho để gạo, phần còn lại có nhà 03 tầng trên đất sẽ là di sản của ông Tuấn, đề nghị chia làm 06 suất bằng nhau cho bà và 05 con mỗi người một suất. Bà đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Ninh và anh Hoàng.

Thửa đất ban đầu có diện tích là 9 thước, tương đương 217m², năm 2006, nhà nước thu hồi 30m² để làm đường nên diện tích còn lại là 187m². Khi thu hồi thì gia đình bà không được bồi thường gì. Nay bà đề nghị chia tài sản chung và chia thừa kế thửa đất trên theo pháp luật.

Ông Phạm Anh Đức là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Phạm Thị Ninh trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:

Về quan hệ huyết thống: Bố mẹ ông là cụ Phạm Văn Riễn, sinh năm 1922, chết năm 1993 và cụ Nguyễn Thị Vệt, sinh năm 1921, chết năm 2006. Cụ Riễn và cụ Vệt có 07 người con, gồm:

Bà Phạm Thị Liên, sinh năm 1949, Ông Phạm Anh Được, sinh năm 1950; bà Phạm Thị Khang, sinh năm 1954 (đã chết năm 2021); bà Phạm Thị Ninh, sinh năm 1957; ông Phạm Văn Tuấn, sinh năm 1958 (chết năm 2007); ông Phạm Văn Thịnh, sinh năm 1960; bà Phạm Thị Thành, sinh năm 1965. Ngoài ra không có con nào khác. Ông Tuấn và bà Phượng sinh được 5 người con như nguyên đơn và bị đơn trình bày là đúng.

Về nguồn gốc của thửa đất đang có tranh chấp: Năm 1960, Nhà nước giao cho hộ gia đình cụ Riễn, cụ Vệt và 07 người con có tên ở trên đất 5% ở phía đông đường 79 hay còn gọi là xứ Đồng (nay là đường 422). Năm 1980, bố mẹ ông được HTX đổi cho về ở phía tây đường 79 (nay là đường 422) có diện tích 217m². Sau khi đổi đất bố mẹ ông vẫn cấy lúa, quá trình sử dụng cấy lúa không hiệu quả, bố mẹ ông đã đổ đất, tôn nền, đến năm 1985 bố mẹ ông làm 4 gian nhà cấp 4 lợp ngói + 3 gian bếp chuồng lợn và giao vợ chồng ông Tuấn ở. Ngày 06/5/1989, bố mẹ ông viết di chúc là giấy giao nhà đất cho các con, có sự nhất trí của toàn bộ 07 người con và có sự chứng kiến của họ tộc, cụ thể:

- Đối với thửa đất thổ cư trong làng có diện tích là 20 thước, giao cho Phạm Văn Được (tức Anh Được) 12 thước, trên đất có 5 gian nhà thờ và 5 gian chuồng lợn và bếp.

Giao cho ông Phạm Văn Thịnh 8 thước, trên đất có 3 gian nhà cấp 4 và 4 gian chuồng lợn và bếp tại thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thửa đất giao cho ông Thịnh chung với thửa đất của anh Được là tôi.

- Đối với thửa đất 5%, có diện tích 9 thước (là thửa đất đang có tranh chấp), giao cho ông Phạm Văn Tuấn 07 thước, trên đất có 4 gian nhà cấp 4 lợp ngói và 3 gian chuồng lợn. Giao cho bà Phạm Thị Ninh 02 thước chung với thửa đất của ông Tuấn (là đất trống, không có công trình trên đất).

Văn bản này có cụ Riễn, cụ Vệt và ông Được ký có gia tộc làm chứng gồm: Ông Phạm Văn Yên (nay đã chết), Phạm Văn Diễm (nay đã chết), ông Phạm Văn Thường (nay đã chết), ông Phạm Văn Chung (nay đã chết), ông Phạm Văn Đạt (nay đã chết), bà Loan là thím ruột (nay đã chết), bà Phạm Thị Cũng là em của bố tôi còn sống hiện đang ở thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Năm 1989, bố mẹ tôi giao cho ông Tuấn ở đó, quá trình sử dụng đất ông Tuấn, bà Phượng đã nộp tiền hợp thức hóa đất 5% thành đất thổ cư. Năm 2006 thửa đất trên bị thu hồi 30m² đất để làm đường, hiện tại thửa đất còn lại là 187m².

Sau khi bố mẹ phân chia đất thì ông Được, ông Thịnh và ông Tuấn đã quản lý, sử dụng đất đúng như trong di chúc, anh chị em trong nhà không ai tranh chấp và có ý kiến gì.

Lý do bố mẹ ông chia đất cho bà Ninh là vì: Năm 1976, bà Ninh lấy chồng ở làng, sau đó chồng bà Ninh đi bộ đội, năm 1978 chồng bà Ninh hy sinh tại chiến trường Campuchia, vợ chồng bà Ninh không có con. Năm 1980 bà Ninh về ở với bố mẹ nên được bố mẹ phân chia đất. Khi bố mẹ mất, bà Ninh ở nhà ông Đước, đến năm 2018 bà Ninh ra ở phần đất mà bố mẹ tôi chia cho bà Ninh và ông Tuấn ở, đầu năm 2021 bà Ninh không ở phần đất này nữa vì bà Phượng và các con gái của bà Phượng đối xử không tốt, bà Ninh vào ở nhà ông Thịnh từ đó đến nay. Nay bà Ninh đề nghị bà Phượng trả lại 02 thước đất, tương đương 48m² cho bà Ninh sử dụng, phần còn lại 7 thước đất cùng tài sản trên đất của ông Tuấn, mẹ con bà Phượng chia như thế nào thì ông không can thiệp.

Khi bà Phượng làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ thửa đất trên thì anh chị em chúng tôi không biết. Nay bà Ninh có yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Phí Thị P, buộc bà Phượng phải trả cho bà Ninh 2 thước = 48m² theo đúng di chúc là văn bản giao đất ngày 06/05/1989 của các cụ để lại; chia cho bà Ninh ở phía mặt đường để bà Ninh có chỗ ở và thờ cúng Liệt sĩ; bà Ninh không thể nhận bằng tiền.

Thửa đất ban đầu có diện tích là 9 thước, tương đương 217m² năm 2006, nhà nước đã thu hồi 30m² để làm đường nên diện tích còn lại là 187m². Nay bà Ninh đề nghị chia thửa kế theo diện tích thực tế là 187m². Phần diện tích bị giảm sẽ chia theo tỷ lệ tiêu chuẩn của mỗi người.

Ông Đước không đòi hỏi quyền lợi gì liên quan đến thửa đất tranh chấp trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn Hoàng, chị Cao Thị Thùy Trang và người đại diện theo ủy quyền trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:

Anh là con trai, vợ anh là con dâu của bà Phí Thị P và ông Phạm Văn Tuấn, bố mẹ anh sinh được 5 anh chị em như nguyên đơn trình bày là đúng, ngoài ra không có con nuôi, con riêng nào khác.

Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp anh nhất trí với lời trình bày của ông Đước. Về quá trình sử dụng đất: Anh ở cùng bố mẹ trên thửa đất này từ năm 1985 đến cuối năm 2020 thì chuyển ra ở chỗ khác. Năm 2008 anh kết hôn với chị Cao Thị Thùy Trang, hai vợ chồng vẫn ở đây, năm 2009 anh tách riêng hộ khẩu, hiện nay anh chị ra thuê nhà ở riêng từ lâu, không ở trên mảnh đất tranh chấp nữa. Quá trình ở trên đất, năm 2001 bố mẹ anh xây 1 ngôi nhà 2 tầng lúc này các anh chị còn nhỏ không đóng góp được gì, năm 2006 thì xây thêm tầng 3. Năm 2013 vợ chồng anh có tôn tạo nhà, cụ thể nâng nền 2 phòng, làm mới 2 nhà vệ sinh và bếp, tổng chi phí 98.000.000đ. Năm 2017, vợ chồng anh tiếp tục tôn tạo lại cửa hàng hiện tại bà Phượng đang bán hàng nước, làm lại cửa xếp mới hết 11.500.000đ. Năm 2018 bà Ninh đến ở với gia đình anh nên vợ chồng anh tôn tạo toàn bộ cửa kính trên tầng 2 hết 21.300.000đ. Năm 2020 vợ chồng anh có làm công tơ nước sạch nhưng mang tên bà Phượng số tiền 6.000.000đ. Tổng cộng số tiền vợ chồng anh đã bỏ ra để cải tạo xây dựng là 136.800.000đ.

Năm 2012, bà Phượng làm thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh không biết, không ký bất cứ giấy tờ gì ủy quyền hay tặng cho mẹ anh thửa đất này. Anh khẳng định thửa đất đang có tranh chấp là của ông bà nội anh có di chúc cho bố anh và bà Ninh bằng Giấy giao nhà lập ngày 06/5/1989, cụ thể bà Ninh được cho 2 thước, bố anh được cho 7 thước. Vì vậy, anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giữ nguyên yêu cầu độc lập của bà Ninh, đề nghị Tòa án tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp theo thửa đất số 213, tờ bản đồ số 5, diện tích 187m² tại thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội đứng tên hộ bà Phí Thị P; đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Ninh, chia thừa kế theo di chúc và trả lại bà Ninh 48m² đất:

- Diện tích còn lại được là tài sản của bố anh là di sản thừa kế, anh đề nghị chia làm 07 phần, trong đó 05 phần là của mẹ anh và các chị em gái, anh xin được nhận 02 phần bằng hiện vật vì anh là con trai duy nhất trong nhà cần có nơi để thờ cúng tổ tiên.

Anh, chị xin rút yêu cầu về việc buộc các đồng thừa kế của ông Tuấn phải thanh toán số tiền vợ chồng anh đã bỏ ra để tôn tạo, sửa chữa nhà là 136.800.000đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Liên, bà Phạm Thị Thành và ông Phạm Văn Thịnh trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa thống nhất trình bày:

Các ông, bà là anh chị em ruột của ông Phạm Văn Đước và ông Phạm Văn Tuấn. Các ông bà đều nhất trí với ý kiến trình bày của ông Đước về quan hệ huyết thống và nguồn gốc thửa đất đang có tranh chấp, đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Ninh, buộc bà Phượng phải trả cho bà Ninh 2 thước tương đương 48m² tại thửa đất số 213, tờ bản đồ số 5, diện tích 187m² tại thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo đúng di chúc của các cụ Riễn và cụ Vệt để lại. Ngoài ra các ông bà không có yêu cầu hay đòi hỏi quyền lợi gì liên quan đến thửa đất tranh chấp trên.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Khang là ông Cán Minh Thịnh, anh Cán Văn Tuấn và chị Cán Thị Thúy trình bày:

Ông và các con của bà Khang có quan điểm. Đối với thửa đất số 213, tờ bản đồ số 5, diện tích 187m² tại thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội ông và các con của bà Khang không yêu cầu đòi hỏi quyền lợi gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, được vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng và tại mọi phiên tòa.

Anh Đỗ Vĩnh Phôn, sinh năm 1975; chị Cao Thị Nga, sinh năm 1977; cùng trú tại: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội trình bày:

Vợ chồng anh chị thuê nhà cấp 4 của bà Phí Thị P (thuê bằng miệng, không có hợp đồng) từ năm 2021 để làm kho chứa gạo, vợ chồng không sinh sống ở đây. Giá thuê 6 triệu đồng/01 tháng. Đất này hiện nay có tranh chấp, quan điểm của vợ chồng anh Phồn, chị Nga không có liên quan gì đến việc nhà đất anh chị thuê, anh chỉ đề nghị Tòa án không đưa vợ chồng vào tham gia tố tụng và chấp hành theo bản án của Tòa án. Còn việc tiền thuê giá trị không lớn anh chị tự giải quyết với bà Phượng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện Hoài Đức trình bày:

Về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BL659442 do UBND huyện Hoài Đức cấp ngày 14/11/2012 cho hộ bà Phí Thị P được đảm bảo về trình tự, thủ tục cấp GCN quyền sử dụng đất theo Điều 24 của Quyết định số 117/2009/QĐ-UBND ngày 01/12/2009 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đăng ký biến động về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật và xin vắng mặt trong suốt quá trình xét xử vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2023/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Áp dụng khoản 2, 5 Điều 26, khoản 2 Điều 28, Điều 34, Điều 37, Điều 144, Điều 147 Điều 184; Điều 254, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 231, Điều 625, Điều 626, Điều 627, Điều 628, Điều 634: Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 655 và Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 30, Điều 32 và Điều 193 Luật Tố tụng hành chính;

Áp dụng Án lệ số 03/2016/AL được thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phạm Thị L, bị đơn là bà Phí Thị P và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn, bị đơn về việc “Chia tài sản chung” và “Chia thừa kế theo pháp luật” cụ thể như sau:

Tài sản chung là quyền sử dụng đất $146m^2 \times 75.000.000$ đồng/01m² 10.950.000.000 đồng (Mười tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Tài sản này ông Tuấn, bà Phượng mỗi người được hưởng là giá trị = 5.475.000.000 đồng (năm tỷ, bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn), tương đương 73m² đất.

Tài sản chung là tài sản trên đất gồm nhà 03 tầng và cửa hàng lợp tôn cho thuê làm kho gạo là $613.140.300 : 2 = 306.570.150$ đồng.

Bà Phụng được hưởng tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 5.781.570.150 đồng (Năm tỷ, bảy trăm tám mươi một triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, một trăm năm mươi đồng).

Chia di sản thừa kế:

Di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của ông Tuấn để lại có giá trị 5.781.570.150 đồng (Năm tỷ, bảy trăm tám mươi một triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, một trăm năm mươi đồng): 06 suất = 963.595.025đ (Chín trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn, không trăm hai lăm đồng) /01 suất thừa kế.

Như vậy, bà Phụng được hưởng tài sản chung vợ chồng và di sản thừa kế của ông Tuấn là 5.781.570.150 đồng + 963.595.025 đồng = 6.745.165.175 (Sáu tỷ, bảy trăm bốn lăm triệu, một trăm sáu lăm nghìn, một trăm bảy lăm đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị L, chị Phạm Thị Dậu, chị Phạm Thị Huyền, chị Phạm Thị Hoa giao lại cho bà Phí Thị Phương quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất mà các chị được hưởng; về đất có diện tích 146m² được giới hạn bởi các điểm 4, 5, 6, 7, 8, 2, 1, 4 (có sơ đồ kèm theo).

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Ninh và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía người có yêu cầu độc lập, như sau:

Chấp nhận di chúc của cụ Riễn, cụ Vệt là hợp pháp và chia cho bà Phạm Thị Ninh 41m² được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 1 (có sơ đồ kèm theo).

Bà Ninh có trách nhiệm thanh toán cho bà Phụng và các đồng thừa kế phần xây dựng kho gạo của ông Tuấn, bà Phụng (xây năm 2006) có giá trị là 53.487.000đồng. Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL659442 do UBND huyện Hoài Đức cấp ngày 14/11/2012 cho hộ bà Phí Thị P.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của anh Phạm Văn Hoàng về di chúc của cụ Riễn và cụ Vệt, chấp nhận yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL659442 do UBND huyện Hoài Đức cấp ngày 14/11/2012 cho hộ bà Phí Thị P.

Chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của ông Tuấn để lại có giá trị 5.781.570.150 đồng (Năm tỷ, bảy trăm tám mươi một triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, một trăm năm mươi đồng) : 06 suất = 963.595.025đ (Chín trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn, không trăm hai lăm đồng)/01 suất thừa kế. Anh Hoàng được hưởng 01 suất thừa kế là 963.595.025đ (chín trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn, không trăm hai lăm đồng).

Buộc bà Phí Thị P, chị Phạm Thị L, chị Phạm Thị Dâu, chị Phạm Thị Huyền, chị Phạm Thị Hoa có trách nhiệm thanh toán cho anh Phan Văn Hoàng số tiền 963.595.025đ (chín trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn, không trăm hai lăm đồng).

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Các bên có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/9/2023, nguyên đơn chị Phạm Thị L và bị đơn bà Phí Thị P đều có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Lan, bà Phượng và người đại diện theo ủy quyền của chị Lan, bà Phượng đều giữ nguyên quan điểm kháng cáo đối với một phần bản án sơ thẩm không đồng ý giao 41m² đất cho bà Ninh. Lý do: Chị Lan xác định toàn bộ diện tích 187m² đất còn lại là tài sản chung của bố mẹ chị. Từ năm 1986 ông bà nội chị là cụ Riễn, cụ Vệt đã làm nhà và cho bố mẹ chị đất đó, quá trình sử dụng đất bố mẹ chị đã nộp thuế, xin chuyển mục đích sử dụng đất từ đất ruộng mới thành đất ở như hiện tại và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, năm 1989 cụ Riễn, cụ Vệt lập giấy giao đất cho bà Ninh và mọi người là không hợp pháp. Vì vậy, nay bản án sơ thẩm chia đất cho bà Ninh là không đúng. Bà Phí Thị P cũng giữ nguyên kháng cáo và tại phiên tòa do ông Lê Quốc Đôn là người được ủy quyền trình bày nội dung không đồng ý giao đất cho bà Ninh như bản án sơ thẩm. Vì đất đó do vợ chồng ông Tuấn, bà Phượng quản lý, sử dụng đã trên 30 năm từ năm 1986, giấy giao đất của cụ Riễn, cụ Vệt là không hợp pháp. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu độc lập của bà Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán - Chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Một số người liên quan vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ nên xét xử vắng mặt họ.

Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn: Về nguồn gốc đất tranh chấp, các đương sự đều xác nhận đây là đất 5% do cụ Phạm Văn Riễn và cụ Nguyễn Thị Vệt để lại. Trong khoảng thời gian các cụ giao cho bà Phượng sử dụng, thì ngày 6/5/1989 các cụ có giấy giao nhà đất được lập thành văn bản có nêu rõ cho ông Phượng 7 thước, bà Ninh 2 thước. Việc lập giấy tờ có giấy của những người trong họ tộc, có người còn sống đã xác nhận ý chí của các cụ là chính xác; đã được giám định chữ ký đúng là của các cụ nên xác định Giấy giao nhà đất ngày 06/5/1989 là hợp pháp.

+ Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn đều cho rằng đất sử dụng đã lâu, ổn định không có tranh chấp; bà Ninh không có ý kiến gì; thời điểm mở thừa kế từ năm 2006 là chưa được 30 năm nên không thể áp dụng Án lệ số 03/2016/AL được thông qua ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; án sơ thẩm đã xem xét chia thừa kế cho các đương sự và tuyên hủy GCNQSDĐ theo như quyết định của bản án là đúng quy định pháp luật; đảm bảo quyền lợi cho các đương sự và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn không đưa ra được chứng cứ mới chứng minh cho kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị L và bà Phí Thị Phương; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của bà Phí Thị P và chị Phạm Thị L trong thời hạn, đúng quy định nên được chấp nhận để xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về việc vắng mặt các đương sự tại phiên tòa: Bà Ninh, anh Hoàng và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Về thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án và xác định những người tham gia tố tụng đều được Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ, nay không có kháng cáo nên không xét.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Phí Thị Phương và của chị Phạm Thị L, Hội đồng xét xử thấy:

Về quan hệ huyết thống, quan hệ gia đình các đương sự đều thống nhất và thừa nhận về nguồn gốc diện tích đất các đương sự đang có tranh chấp của cụ Riễn, cụ Vệt để lại là 02 thửa đất, gồm:

- Thửa thứ nhất có diện tích là 20 thước, tại ngõ Đình, thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội các cụ giao cho ông Phạm Văn Đước (tức Anh Đước) 12 thước, trên đất có 5 gian nhà thờ và các công trình phụ trên đất, như bếp, chuồng lợn; giao cho ông Phạm Văn Thịnh 8 thước, trên đất có 3 gian nhà cấp 4 và các công trình phụ trên đất, như bếp, chuồng lợn (chung với thửa của ông Đước). Diện tích này các đương sự không có tranh chấp; không có yêu cầu nên tại bản án sơ thẩm không giải quyết; nay cũng không có kháng cáo, kháng nghị.

- Thửa thứ hai là đất 5%, có diện tích 09 thước (nay thực tế còn lại là 187m² đất đang có tranh chấp), thửa đất này có nguồn gốc đất nông nghiệp được HTX giao cho hộ gia đình cụ Riễn, cụ Vệt và 07 người con.

Bà Phí Thị P và chị Phạm Thị L kháng cáo cho rằng: Khi các cụ còn sống đã làm nhà trên đất và cho vợ chồng bà Phượng, ông Tuấn toàn bộ đất đó. Năm 1986 đã kê khai, làm thủ tục xin chuyển mục đích sử dụng đất nên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL659442 ngày 14/11/2012 cho hộ bà Phí Thị P. Do vậy, đây là tài sản chung của vợ chồng bà; bản án sơ thẩm chia cho bà Ninh 41m² không đúng.

Tại bản án sơ thẩm đã xác định ngày 06/5/1989, các cụ đã họp bàn cùng toàn thể các con và có sự chứng kiến của họ tộc viết di chúc là giấy giao nhà đất để lại di sản cho các con, như sau:

- Đối với thửa đất thổ cư trong làng có diện tích là 20 thước, giao cho ông Phạm Văn Được (tức Anh Được) 12 thước, trên đất có 5 gian nhà thờ và 5 gian chuồng lợn và bếp; giao cho ông Phạm Văn Thịnh 8 thước, trên đất có 3 gian nhà cấp 4 và 4 gian chuồng lợn và bếp tại thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức chung với thửa đất của anh Được là tôi.

- Đối với thửa đất 5%, có diện tích 09 thước (là thửa đất đang có tranh chấp), giao cho ông Phạm Văn Tuấn 07 thước, trên đất có 4 gian nhà cấp 4 lợp ngói và 3 gian chuồng lợn; giao cho bà Phạm Thị Ninh 02 thước tương đương 48m² chung với thửa đất của ông Tuấn (là đất trống, không có công trình trên đất).

Di chúc chia cho ông Được, ông Thịnh, ông Tuấn, bà Ninh đã được các ông bà sử dụng ổn định, các anh chị em cùng hàng thừa kế không có tranh chấp, khiếu kiện gì; thực tế bà Ninh cũng đã từng ở trên mảnh đất được bố mẹ cho cùng với gia đình ông Tuấn, chỉ sau khi bà Phượng và các con bà Phượng muốn chiếm phần đất của bà Ninh và không chấp nhận di chúc của các cụ để lại mới đối xử không tốt với bà Ninh, nên bà Ninh phải vào nhà ông Thịnh ở.

Tại bản án sơ thẩm đã giám định và xác định chữ viết, chữ ký đúng là chữ của cụ Riễn, cụ Vệt. Do đó, đã xác định di chúc của các cụ để lại thể hiện ý chí, nguyện vọng của người có tài sản; di chúc bằng văn bản có đủ người làm chứng phù hợp với Điều 628, Điều 630, Điều 631 và Điều 634 Bộ luật Dân sự, nên chấp nhận bản di chúc hợp pháp để giải quyết yêu cầu chia tài sản theo di chúc là có căn cứ.

[2.1]. Từ đó đã xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn.

Cụ thể: Về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng ông Tuấn, bà Phượng: Năm 1985 ông Tuấn được cụ Riễn, cụ Vệt giao cho 07 thước (nay còn 146m²) nhà và đất. Sau khi được giao, ông Tuấn, bà Phượng đã sinh sống ổn định ở trên thửa đất này. Đến năm 2001, ông Tuấn, bà Phượng phá ngôi nhà 01 tầng và xây ngôi nhà 02 tầng, lúc này cụ Vệt còn sống không có ý kiến gì, các anh chị em ở hàng thừa kế cùng với ông Tuấn không ai có ý kiến, khiếu kiện hay tranh chấp. Đến năm 2006, ông Tuấn, bà Phượng xây thêm tầng 3, các anh em ở hàng thừa kế với ông Tuấn cũng không có ai tranh chấp, khiếu kiện; đến năm 2012 đã được UBND huyện Hoài Đức cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy,

áp dụng Ấn lệ số 03/2016/AL được thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xác định đây là tài sản chung của vợ chồng ông Tuấn, bà Phượng.

Tài sản chung của ông Tuấn, bà Phượng là giá trị quyền sử dụng đất $146\text{m}^2 \times 75.000.000 \text{ đồng}/01\text{m}^2 = 10.950.000.000 \text{ đồng}$ (mười tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Tài sản này ông Tuấn, bà Phượng mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ có giá trị $5.475.000.000 \text{ đồng}$ (năm tỷ, bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn), tương đương 73m^2 đất.

Tài sản chung của ông Tuấn, bà Phượng là giá trị tài sản trên đất gồm:

Ngôi nhà 3 tầng là $559.653.300 \text{ đồng}$ (năm trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm năm ba nghìn, ba trăm đồng).

Cửa hàng lợp mái tôn do vợ chồng ông Tuấn làm năm 2006 cho thuê bán gạo có giá trị $566.000 \text{ đồng} \times (47,5+47)\text{m}^2 = 53.487.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng giá trị tài sản chung của ông Tuấn, bà Phượng $11.563.140.300 \text{ đồng}$ (mười một tỷ, năm trăm sáu mươi ba triệu, một trăm bốn mươi nghìn, ba trăm đồng) là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, được chia làm 2 phần cho ông Tuấn, bà Phượng: $11.563.140.300 \text{ đồng} : 2 = 5.781.570.150 \text{ đồng}$ (năm tỷ, bảy trăm tám mươi một triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, một trăm năm mươi đồng).

Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Tuấn để lại:

Di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của ông Phạm Văn Tuấn là $5.781.570.150 \text{ đồng}$ (năm tỷ, bảy trăm tám mươi một triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, một trăm năm mươi đồng) : $06 \text{ suất} = 963.595.025$ (chín trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn, không trăm hai lăm đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn sau khi nhận tài sản bằng hiện vật sẽ giao lại cho bà Phí Thị P quản lý và sử dụng. Bà Phượng đồng ý nhận khối tài sản của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giao cho.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn về việc: Không chấp nhận di chúc của cụ Riễn, cụ Vệt và không chấp nhận hủy GCN quyền sử dụng đất số BL659442 do UBND huyện Hoài Đức cấp ngày 14/11/2012 cho hộ bà Phí Thị Phương đối với thửa số 213, tờ bản đồ số 5, diện tích 187m^2 tại thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là đúng.

Theo di chúc nêu trên, thấy: Cụ Riễn và cụ Vệt có 02 thửa đất, các cụ đã giao cho ông Đức, ông Thịnh ở thửa trong làng: Thửa đất 5% các cụ và vợ chồng ông Tuấn làm nhà và công trình phụ; làm xong các cụ giao cho gia đình ông Tuấn, bà Phượng 07 thước (nay còn 146m^2); giao cho bà Ninh 02 thước (nay còn 41m^2) là có căn cứ và phù hợp với di chúc.

Tuy năm 1986, cụ Riễn, cụ Vệt chưa mất nhưng ông Tuấn, bà Phượng đã tự kê khai và nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất mà không hỏi ý kiến của cụ Riễn, cụ Vệt và các đồng thừa kế, nên cụ Riễn, cụ Vệt và các đồng thừa kế

không biết việc vợ chồng ông Tuấn, bà Phượng đã kê khai; mặt khác, việc kê khai của vợ chồng ông Tuấn là chưa đúng quy định của pháp luật. Do vậy, cụ Riễn, cụ Vệt đã họp gia đình và có bản di chúc phân chia tài sản của các cụ để lại cho các con; do đó đã quyết định chia tài sản chung của vợ chồng ông Tuấn, bà Phượng trong thời kỳ hôn nhân và chia di sản thừa kế theo pháp luật là có căn cứ.

[2.2] Đối với yêu cầu phản tố của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Ninh, nay bà Phượng, chị Lan có kháng cáo, HĐXX thấy:

Như đã phân tích trên, tại bản án sơ thẩm đã công nhận di chúc của cụ Riễn, cụ Vệt. Năm 1985, các cụ làm xong nhà, bếp và chuồng lợn đã giao bằng miệng cho vợ chồng ông Tuấn thừa đất này có số thửa 213, tờ bản đồ số 5, diện tích 187m² tại thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, Hà Nội. Việc giao này không có văn bản. Tuy nhiên, năm 1986, các cụ còn sống nhưng vợ chồng ông Tuấn, bà Phượng nộp tiền và làm thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất mà chưa được sự đồng ý của cụ Viễn, cụ Vệt nên các cụ và các đồng thừa kế không biết. Đến ngày 06/5/1989, các cụ đã họp bàn toàn thể gia đình và họ tộc viết di chúc để lại di sản cho các con. Di chúc được sự thống nhất của toàn bộ các con và có sự chứng kiến của các cụ trong họ tộc. Vì vậy, việc ngày 14/11/2012, UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL659442 cho hộ bà Phí Thị P, cấp cả phần đất của bà Ninh vào thành 187m² tại thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là vượt quá quy định, đã xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bà Ninh.

Từ đó đã nhận định bà Ninh là gia đình chính sách, không có chỗ ở nào khác, tinh thần không được minh mẫn, cần tạo điều kiện để bà Ninh có chỗ ở và hương khói Liệt sĩ; có thu nhập để sinh sống, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu độc lập và chia cho bà Ninh 41m² phần diện tích đất mặt đường để bán hàng hoặc cho thuê lấy tiền sinh sống bản thân là đúng quy định và phù hợp với đạo lý.

Nay bà Phượng, chị Lan kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới nên không có căn cứ để chấp nhận, cần giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Phạm Thị L, bà Phí Thị P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; bà Phượng thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Phạm Thị L và bị đơn bà Phí Thị P; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2023/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí phúc thẩm: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm; đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai số 0002550 ngày 10/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội; bà Phí Thị P được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.